

SỞ Y TẾ VĨNH LONG
TTYT HUYỆN TAM BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /QĐ -TTYT

Tam Bình, ngày 13 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
năm 2023

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ TAM BÌNH

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-SYT, ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Sở Y tế Vĩnh Long về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Tam Bình;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-SYT, ngày 09 tháng 01 năm 2023, của Sở Y tế Vĩnh Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Trung tâm Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Trung tâm Y tế huyện Tam Bình được Sở Y tế giao năm 2023, cụ thể như sau:
(Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng các bộ phận trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Tam Bình chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Sở Y tế (b/c);
- Như Điều 2;
- Website của đơn vị;
- Lưu: VT, TC-HC.



BSCKII. Bùi Thanh Tùng

Đơn vị: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TAM BÌNH

Chương: 423

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 13/QĐ-TTYT ngày 13/01/2022 của Trung tâm Y tế huyện Tam Bình)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	44.578.000
1,1	Thu dịch vụ khám, chữa bệnh	44.050.000
1,2	Thu phí dự phòng	
	Thu hành nghề YDTN	
1,3	Thu dịch vụ, thu khác	528.000
	Thu dịch vụ khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, KCB, DV được để lại	0
2,1	Chi sự nghiệp chuyên môn	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi từ nguồn Cải cách tiền lương	2.212.000
3,1	Chi sự nghiệp chuyên môn	2.212.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.212.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	34.804.792
1	Chi SN giáo dục, đào tạo, dạy nghề (070 - 085)	0

1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
1,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (130 - 132)	34.423.312
2,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	34.423.312
3	Chi sự nghiệp TTTT (160 - 171)	381.480
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	381.480